

**HỒ SƠ YÊU CẦU  
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

**Gói Cung cấp:** Chế biến, pha trộn than tại Trạm chế biến than Coalimex Hải Phòng năm 2023.

**Ngày phát hành:** 06 /01/2023

**Bên mời thầu**

**Giám đốc**



**Phạm Minh**

**Định nghĩa và viết tắt:**

Công ty: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than - Vinacomin

HSYC: Hồ sơ Yêu cầu

HSĐX: Hồ sơ Đề xuất

NCC: Nhà Cung cấp

TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở, là các Tiêu chuẩn cơ sở về than thương phẩm do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) ban hành tại văn bản số 418/QĐ-VINACOMIN ngày 05/3/2012.

## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

### 1. Phạm vi Gói Cung cấp

#### 1.1 Phạm vi Gói Cung cấp:

(a) Nội dung công việc: Bốc xúc, vận chuyển nội bộ tại mỗi địa điểm thực hiện công việc, chế biến, tuyển nâng cấp, pha trộn than, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc chính sau đây: Bốc xúc than từ phương tiện vận tải đường thủy xuống cảng, vận chuyển than từ cảng vào kho, cân than nhập kho bằng cân điện tử, vun cón thành đống, trông coi bảo quản than, chế biến (sàng phân loại và nghiền than, sơ chế giảm độ ẩm của than nếu cần) đối với than nhập khẩu có cỡ hạt trên 15 mm hoặc than bùn, tuyển nâng cấp than cám TCCS, cân than đưa vào pha trộn bằng cân điện tử, pha trộn than tại khu vực kho, bốc xúc than sau pha trộn từ kho lên ô tô và vận chuyển từ kho ra cảng, cân than xuất kho bằng cân điện tử, và bốc xúc than từ cảng lên phương tiện vận tải đường thủy...

Đối với công đoạn tuyển nâng cấp than cám TCCS, than thu hồi sau tuyển nâng cấp là than cám TCVN 8910:2020 và than bùn TCCS.

(b) Than dùng để pha trộn:

- Than Việt Nam: Các loại than TCVN 8910:2020, TCCS (bao gồm cả than thu hồi sau tuyển nâng cấp), và các sản phẩm than phi tiêu chuẩn của TKV hoặc các đơn vị thuộc TKV sản xuất.
- Than nhập khẩu: Các loại than nhập khẩu.

(c) Than sau pha trộn: Than cám TCVN 8910:2020 hoặc có chất lượng tương đương than TCVN 8910:2020, tùy theo yêu cầu của Công ty, và căn cứ vào phương án pha trộn do Công ty cung cấp.

(d) Khối lượng than sau pha trộn: 1.000.000 tấn +/- 10%.

(e) Địa điểm thực hiện công việc: Kho của Trạm chế biến than Coalimex Hải Phòng. Địa chỉ:

- Xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, Việt Nam;
- Xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

(f) Thời gian thực hiện: Năm 2023.

(g) Công nghệ pha trộn: Sử dụng xe xúc lật, xe cơ giới và hệ thống băng tải để

pha trộn. Than nhập khẩu có cỡ hạt trên 15 mm được chế biến thành than cám có cỡ hạt 0-15 mm. Than bùn TCVN 8910:2020 hoặc TCCS, hoặc than bùn thải phi tiêu chuẩn của TKV hoặc các đơn vị thuộc TKV sản xuất được chế biến đưa về độ ẩm phù hợp để pha trộn.

Đối với công đoạn tuyển nâng cấp than cám TCCS, sử dụng công nghệ, máy móc tuyển rửa hiện đại để tuyển nâng cấp than cám TCCS và thu hồi các loại than cám chất lượng cao hơn theo TCVN 8910:2020 và than bùn TCCS.

## 1.2 Yêu cầu kỹ thuật:

### a) Chất lượng sản phẩm:

Than sau pha trộn phải đạt chất lượng phù hợp theo TCVN 8910:2020, phù hợp với phương án pha trộn mà Công ty cung cấp.

Than thu hồi sau tuyển nâng cấp phải đạt chất lượng phù hợp theo TCVN 8910:2020 hoặc TCCS hiện hành, bảo đảm khối lượng, chất lượng và tỷ lệ phù hợp với phương án tuyển nâng cấp mà Công ty cung cấp.

### b) Tiến độ thực hiện: Khối lượng than pha trộn trong từng tháng căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty, và sẽ được Công ty thông báo trước cho NCC. NCC phải bảo đảm năng lực thực hiện pha trộn từng tháng đáp ứng yêu cầu theo thông báo của Công ty, đồng thời bảo đảm năng lực thực hiện pha trộn mỗi tháng tối thiểu 92.000 tấn.

Đối với công đoạn tuyển nâng cấp than cám TCCS, khối lượng than đưa vào tuyển nâng cấp từng tháng căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty, và sẽ được Công ty thông báo trước cho NCC. NCC phải bảo đảm năng lực thực hiện tuyển nâng cấp từng tháng đáp ứng yêu cầu theo thông báo của Công ty, đồng thời bảo đảm năng lực thực hiện tuyển nâng cấp mỗi tháng tối thiểu 30.000 tấn.

### c) Trang thiết bị và nhân sự thực hiện công việc:

(i) Phải có đầy đủ các phương tiện và trang thiết bị cần thiết trong tình trạng hoạt động tốt để thực hiện việc chế biến, pha trộn than đạt yêu cầu về khối lượng, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Công ty như xe ô tô tải tự đổ, máy đào, máy xúc lật, hệ thống dây chuyền - máy - thiết bị sàng phân loại và nghiền than... Các phương tiện và trang thiết bị phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý và tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định.

(ii) Phải có hệ thống tuyển nâng cấp than hoàn chỉnh, bao gồm tối thiểu các trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật sau: học cấp liệu, băng rút học, băng cấp liệu, băng rút bụng máy nghiền, băng từ máy nghiền ra, băng rửa, máy nghiền, sàng vớt, tủ điện điều khiển, sàng phân loại, hệ thống máy ép bùn, nhà điều hành. Hệ thống phải trong tình trạng sẵn sàng hoạt động và hoạt động tốt kể từ ngày Thư chào hàng của NCC.

(iii) Nhân sự vận hành các phương tiện và trang thiết bị phải có đầy đủ bằng nghề, chứng chỉ nghề, chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (đối với các nghề yêu cầu phải có đánh giá kỹ năng nghề quốc gia thuộc danh mục quy định của Nhà nước), chứng chỉ hành nghề đối với nghề, vận hành thiết bị có yêu cầu chứng chỉ theo quy định của Pháp luật và hồ sơ lao động.

- 1.3 Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có thể xem xét thỏa thuận điều chỉnh đơn giá của một hay nhiều hạng mục trong nội dung công việc nêu tại Mục 1.1(a) - Chương I.

Biểu mẫu hợp đồng: Theo nội dung hợp đồng tương tự mà Công ty đã ký và đang thực hiện trong năm 2022.

## 2. Tư cách hợp lệ của NCC

NCC là pháp nhân có tư cách hợp lệ nếu:

- (a) Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;
- (b) Hạch toán tài chính độc lập;
- (c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- (d) Có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo Gói Cung cấp; và
- (e) Tham gia chào hàng với tư cách NCC độc lập.

## 3. Làm rõ, sửa đổi HSYC

### 3.1 Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Công ty không muộn hơn ngày 11/01/2023. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của NCC, Công ty sẽ có văn bản trả lời gửi cho NCC có yêu cầu làm rõ và tất cả các NCC khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Công ty, hoặc đăng tải trên website của Công ty. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, Công ty sẽ tiến hành

sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 3.2 dưới đây.

### 3.2 Sửa đổi HSYC

HSYC có thể được sửa đổi theo quyết định duy nhất của Công ty. Công ty sẽ gửi thông báo sửa đổi HSYC đến tất cả các NCC đã nhận HSYC hoặc đăng tải trên website của Công ty không muộn hơn ngày 11/01/2023.

Trong trường hợp sửa đổi HSYC, Công ty có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu.

## 4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

4.1 NCC phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

4.2 Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4.3 HSDX và tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Công ty và NCC phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có công chứng.

## 5. Thành phần của HSDX

HSDX bao gồm:

- (1) Thư Chào hàng theo mẫu quy định tại Chương III - Biểu mẫu chào hàng;
- (2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương của NCC do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp;
- (3) Báo cáo tài chính của NCC cho năm tài chính 2021; và
- (4) Giấy tờ, tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của NCC.

## 6. Giá chào và giảm giá

6.1 Giá chào ghi trong Thư Chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện Gói Cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

6.2 Phạm vi công việc mà NCC đề xuất thực hiện phải bao gồm toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 trên đây.

6.3 Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Thư Chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, NCC phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ

cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Công ty nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Công ty giữ như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của NCC.

- 6.4 Giá chào của NCC phải bao gồm tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp NCC tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của NCC sẽ được coi là không hợp lệ và sẽ bị loại.

## **7. Thời gian có hiệu lực của HSDX**

- 7.1 Thời gian có hiệu lực của HSDX là tối thiểu 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn thời hạn nêu trên sẽ được coi là không hợp lệ và không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
- 7.2 Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Công ty có thể đề nghị các NCC gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu NCC không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của NCC này không được xem xét tiếp. NCC chấp nhận đề nghị gia hạn không được thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

## **8. Quy cách HSDX**

- 8.1 NCC phải chuẩn bị 01 bản gốc HSDX.
- 8.2 Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của NCC phải được niêm phong và ghi rõ tên Gói Cung cấp, tên NCC, tên Công ty. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của NCC.
- 8.3 Thư Chào hàng và các biểu mẫu kèm theo của HSDX phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của NCC, hoặc người được người đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ.
- 8.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Thư Chào hàng.

## **9. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX**

- 9.1 NCC nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện tới địa chỉ:

Phòng Xuất nhập khẩu Than

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

47, Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

không muộn hơn **09 giờ 00 ngày 17 tháng 01 năm 2023** (thời điểm đóng thầu).

Các HSDX mà Công ty nhận được sau khi hết thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.

9.2 Công ty sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả NCC nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu.

9.3 NCC có thể rút lại, thay thế hoặc sửa đổi HSDX trước thời điểm đóng thầu.

## **10. Mở HSDX**

10.1 Công ty mở công khai HSDX của các NCC vào lúc **09 giờ 30 ngày 17 tháng 01 năm 2023** tại Văn phòng Công ty. NCC có quyền tham dự buổi mở HSDX. Tuy nhiên ngay cả khi NCC không có mặt tại buổi mở HSDX, việc mở HSDX vẫn được tiến hành.

10.2 Các HSDX sẽ được mở lần lượt theo thứ tự chữ cái tên của NCC và theo trình tự sau đây:

(1) Kiểm tra niêm phong;

(2) Mở bản gốc HSDX và đọc rõ thông tin sau: tên NCC, bản gốc, giá chào ghi trong Thư Chào hàng và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, và các thông tin khác mà Công ty thấy cần thiết;

(3) Đại diện của Công ty ký xác nhận vào bản gốc thư chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có).

10.3 Công ty sẽ lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 10.2 trên đây. Biên bản mở HSDX sẽ được gửi cho tất cả các NCC tham dự thầu.

## **11. Làm rõ HSDX**

11.1 Sau khi mở thầu, NCC có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Công ty.

11.2 NCC có thể gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Công ty trước ngày 12 tháng 01 năm 2023. Công ty có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của NCC để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

11.3 Việc làm rõ HSDX sẽ không làm thay đổi bản chất của NCC, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.



## **12. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng**

- 12.1 Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. NCC có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời thương thảo hợp đồng.
- 12.2 Các bên sẽ thương thảo hợp đồng trên cơ sở HSDX (bao gồm các tài liệu làm rõ HSDX, nếu có), HSYC và các tài liệu liên quan khác.
- 12.3 Nội dung thương thảo hợp đồng:
- (1) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa thống nhất giữa HSYC và HSDX, về các nội dung chưa đủ rõ ràng hoặc mâu thuẫn với nội dung khác trong HSDX;
  - (2) Thương thảo về các sai lệch do NCC phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);
  - (3) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn NCC (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của Gói Cung cấp; và
  - (4) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.
- 12.4 Trên cơ sở kết quả thương thảo, các bên sẽ hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận, Công ty sẽ mời NCC tiếp theo thương thảo hợp đồng.

## **13. Điều kiện trúng thầu**

- 13.1 NCC được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
- (1) Có HSDX hợp lệ;
  - (2) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
  - (3) Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
  - (4) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
  - (5) Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất; và
  - (6) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Gói Cung cấp được phê duyệt.

**14. Thông báo kết quả lựa chọn NCC**

14.1 Kết quả lựa chọn NCC sẽ được gửi đến tất cả NCC tham dự chào hàng theo hình thức thư điện tử (e-mail) hoặc qua đường bưu điện, và được đăng tải trên website của Công ty.

**15. Điều kiện ký kết hợp đồng**

15.1 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của NCC được lựa chọn phải còn hiệu lực và NCC được lựa chọn phải vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện Gói Cung cấp.

**16. Thay đổi khối lượng hàng hóa/khối lượng công việc**

16.1 Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ không quá 10% so với khối lượng công việc ban đầu. Đơn giá và các điều khoản khác của HSYC và HSDX sẽ không thay đổi.

**17. Giải quyết kiến nghị của NCC**

17.1 NCC có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn NCC và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

17.2 Địa chỉ nhận thư kiến nghị:

Trần Tuấn Ngọc

Phó Trưởng Phòng

Phòng Xuất Nhập Khẩu Than

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

47, Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

## Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

### 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1 Kiểm tra HSDX: Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I - Chỉ dẫn NCC.

1.2 Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- (1) Thư Chào hàng được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- (2) Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong Thư Chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- (3) Giá chào ghi trong Thư Chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty;
- (4) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I - Chỉ dẫn NCC;
- (5) NCC có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I - Chỉ dẫn NCC.

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

### 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Có kinh nghiệm thực hiện chế biến, pha trộn than tối thiểu 01 năm.

### 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt: HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

| TT | Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |   |
|----|--------------------|---|---|
|    |                    | Đạt   | Không đạt   |
| 1  | Nội dung công việc | Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc quy định tại Mục 1.1(a) Chương I. | Không cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc quy định tại Mục 1.1(a) Chương I. |

|   |  |  |   |
|---|--|--|---|
| 2 | Chất lượng sản phẩm  | Bảo đảm chất lượng sản phẩm như quy định tại Mục 1.2(a) Chương I.  | Không bảo đảm chất lượng sản phẩm như quy định tại Mục 1.2(a) Chương I.   |
| 3 | Khối lượng than sau pha trộn, chưa tính phần tăng/giảm 10% | 1.000.000 tấn  | < 1.000.000 tấn   |
| 4 | Tiến độ thực hiện  | - Năng lực thực hiện pha trộn mỗi tháng tối thiểu 92.000 tấn;<br>và<br>- Năng lực thực hiện tuyển nâng cấp mỗi tháng tối thiểu 30.000 tấn. | - Năng lực thực hiện pha trộn mỗi tháng < 92.000 tấn;<br>và/hoặc<br>- Năng lực thực hiện tuyển nâng cấp mỗi tháng < 30.000 tấn. |
| 5 | Trang thiết bị thực hiện công việc                         | Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Mục 1.2(c)(i) và 1.2(c)(ii) Chương I.  | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Mục 1.2(c)(i) và 1.2(c)(ii) Chương I.   |
| 6 | Nhân sự thực hiện công việc                                | Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Mục 1.2(c)(iii) Chương I.  | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Mục 1.2(c)(iii) Chương I.   |

#### 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng NCC.

HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDX đáp ứng căn bản HSYC, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác

được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Công ty thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Công ty cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng

trong HSDX của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói Cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của NCC này; trường hợp HSDX của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán của Gói Cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu thì Công ty phải cộng các chi phí đó vào giá chào. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 43 của Luật Đấu thầu;

c) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong Thư Chào hàng.

### Chương III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

Mẫu số 01

#### THƯ CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_[ghi ngày tháng năm ký thư chào hàng]

Tên gói cung cấp: \_\_\_[ghi tên gói cung cấp theo hồ sơ yêu cầu]

Hồ sơ yêu cầu số: \_\_\_[ghi số trích yếu, nếu có, của hồ sơ yêu cầu] ngày \_\_\_[ghi ngày phát hành hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_[ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_[ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Chúng tôi xin gửi kèm Thư chào hàng này giá chào với tổng số tiền là \_\_\_[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền chào giá]<sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Chúng tôi cam kết chúng tôi không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Thư chào hàng này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_<sup>(3)</sup>ngày, kể từ ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

#### **Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Thư chào hàng phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của thư chào hàng, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong thư chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu chào hàng. Trường hợp gói cung cấp chia thành nhiều trường hợp chào giá khác nhau thì nhà cung cấp phải ghi giá chào cho từng trường hợp chào giá.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 7.1 Chương I. Thời gian có hiệu lực của thư chào hàng được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 9.1 Chương I.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO<sup>(1)</sup>

| TT   | Nội dung công việc   | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (Cột 4x5)   |
|--|--|-------------|------------|---------|------------------------|
| (1)  | (2)  | (3)         | (4)        | (5)     | (6)                    |
| <b>I</b>   | <b>Nhập kho than trong nước (trừ than bùn) đưa thẳng vào pha trộn</b>                                  |             |            |         |                        |
| 1  | Bốc xúc từ phương tiện thủy  | Tấn         | 309.040    |         | A1                     |
| 2  | Vận chuyển từ cảng vào kho   | Tấn         | 309.040    |         | A2                     |
| 3  | Cân than nhập kho  | Tấn         | 309.040    |         | A3                     |
| 4  | Vun cón lưu kho  | Tấn         | 309.040    |         | A4                     |
| <b>II</b>  | <b>Nhập kho và tuyển nâng cấp than cám TCCS</b>  |             |            |         |                        |
| 1  | Bốc xúc từ phương tiện thủy  | Tấn         | 360.000    |         | A5                     |
| 2  | Vận chuyển từ cảng vào kho   | Tấn         | 360.000    |         | A6                     |
| 3  | Cân than nhập kho  | Tấn         | 360.000    |         | A7                     |
| 4  | Vun cón lưu kho  | Tấn         | 360.000    |         | A8                     |
| 5  | Tuyển nâng cấp than  | Tấn         | 360.000    |         | A9                     |
| <b>III</b>   | <b>Chế biến than bùn thu hồi sau tuyển nâng cấp<sup>(2)</sup></b>                                      | Tấn         | 30.000     |         | A10                    |
| <b>IV</b>  | <b>Nhập kho và chế biến than nhập khẩu</b>   |             |            |         |                        |
| 1  | Bốc xúc từ phương tiện thủy  | Tấn         | 450.000    |         | A11                    |
| 2  | Vận chuyển từ cảng vào kho   | Tấn         | 450.000    |         | A12                    |
| 3  | Cân than nhập kho  | Tấn         | 450.000    |         | A13                    |
| 4  | Vun cón lưu kho  | Tấn         | 450.000    |         | A14                    |
| 5  | Bảo vệ, an ninh  | Tấn         | 450.000    |         | A15                    |
| 6  | Chế biến than nhập khẩu thành than cám cỡ hạt 0-15 mm (Đối với than nhập khẩu có cỡ hạt lớn hơn 15 mm) | Tấn         | 450.000    |         | A16                    |
| <b>V</b>   | <b>Xuất kho tiêu thụ</b>   |             |            |         |                        |
| 1  | Pha trộn than qua sàng công nghiệp, máy xúc lật đảo trộn   | Tấn         | 1.000.000  |         | A17                    |
| 2  | Bốc xúc từ kho lên ô tô  | Tấn         | 1.000.000  |         | A18                    |
| 3  | Cân  | Tấn         | 1.000.000  |         | A19                    |
| 4  | Tiếp chuyển từ kho ra cảng   | Tấn         | 1.000.000  |         | A20                    |
| 5  | Bốc xúc xuống phương tiện thủy   | Tấn         | 1.000.000  |         | A21                    |
| <b>Giá chào đã bao gồm dự phòng trượt giá, thuế, phí, lệ phí (nếu có), ngoại trừ thuế GTGT</b> |  |             |            |         | <b>A=A1+A2+...+A21</b> |



|  |                               |
|--|-------------------------------|
| <b>Thuế GTGT</b>   | <b><math>B=10\%xA</math></b>  |
| <b>Giá chào đã bao gồm dự phòng trượt giá, thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>                                  | <b><math>A'=A+B</math></b>    |
| <b>Chi phí dự phòng (dự phòng cho khối lượng phát sinh, thay đổi tỷ lệ các loại than đưa vào pha trộn)</b> | <b><math>C=20\%xA'</math></b> |
| <b>Tổng cộng giá chào</b><br><i>(kết chuyển sang bản báo giá)</i>  | <b><math>M=A'+C</math></b>    |

### **Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)*

*Ghi chú:*

(1) Các cột (5), (6): Do Nhà cung cấp chào. Nhà cung cấp ghi đơn giá chào và thành tiền của từng hạng mục công việc cụ thể. Đơn giá chào đã bao gồm dự phòng trượt giá, thuế, phí, lệ phí (nếu có), ngoại trừ thuế GTGT sẽ được tính riêng.

Chi phí dự phòng (C) sẽ không được xem xét, đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà cung cấp.

Giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm chi phí dự phòng (C).

(2) Trường hợp than bùn thu hồi sau tuyển nâng cấp không đủ 30.000 tấn hoặc không đủ theo nhu cầu pha trộn thực tế của Công ty, dẫn đến việc Công ty phải mua bổ sung than bùn của TKV hoặc các đơn vị thuộc TKV sản xuất để chế biến sau đó đưa vào pha trộn (sau đây gọi là “than bùn mua trực tiếp”), thì

a) đơn giá các công đoạn nhập kho than bùn mua trực tiếp, bao gồm các công đoạn bóc xúc từ phương tiện thủy, vận chuyển từ cảng vào kho, cân than nhập kho, vun cón lưu kho, sẽ bằng đơn giá các công đoạn tương ứng của việc nhập kho than trong nước (trừ than bùn) đưa thẳng vào pha trộn; và

b) đơn giá chế biến than bùn mua trực tiếp sẽ bằng đơn giá chế biến than bùn thu hồi sau tuyển nâng cấp.